

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ HOÀI NHƠN  
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 273/2021/DS-ST

Ngày 30 - 9- 2021

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HOÀI NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Ngọc Bích

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Cao Hữu Bằng.
2. Ông Trương Ngọc Tiến

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Huỳnh Thị Xuân Diệu - Thư ký Tòa án Nhân dân thị xã Hoài Nhơn.

***Đại diện viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoài Nhơn tham gia phiên tòa:***  
Bà Nguyễn Thị Khánh Ly - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 231/2021/TLST-DS ngày 26 tháng 4 năm 2021, về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 182/2021/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 8 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 444/2021/QĐST- DS ngày 31 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn:*** Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1982 (có mặt)

Địa chỉ: Khu phố T, phường H, thị xã H, tỉnh B.

***2. Bị đơn:*** Chị Lê Thị M, sinh năm 1978 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố T, phường H, thị xã H, tỉnh B.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:*

Từ ngày 29/3/2021 đến ngày 05/4/2021, chị Nguyễn Thị H có cho chị Lê Thị M mượn tiền nhiều lần, cụ thể như sau: Ngày 29/3/2021, chị M mượn 250.000.000 đồng; ngày 30/3/2021, mượn 100.000.000 đồng; ngày 02/4/2021, mượn 150.000.000 đồng và ngày 05/4/2021, chị M mượn tiếp 20.000.000 đồng. Tổng cộng 520.000.000đ (năm trăm hai chục triệu đồng), số tiền này chị M

mượn để đáo hạn ngân hàng, hai bên không thỏa thuận lãi suất, thời hạn trả tiền là ngày 15/4/2021. Do không có tiền trả nợ nên ngày 15/4/2021, chị M viết giấy chuyển giao sổ đỏ, giấy ghi thỏa thuận mượn tiền với nội dung ngày 29/3/2021, chị M mượn của chị H 800.000.000 đồng, chị H sẽ đưa cho chị M mượn thêm 250.000.000 đồng để chị M trả nợ cho ngân hàng và rút giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà chị M đã thế chấp cho ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh thị xã Hoài Nhơn - Phòng giao dịch Hoài Hương để giao cho chị H. Tuy nhiên, chị M không thực hiện như đã thỏa thuận và cũng không trả tiền cho chị H. Chị H cho rằng tuy trong giấy thỏa thuận ghi số tiền chị M mượn 800.000.000đ (tám trăm triệu đồng) nhưng thực tế chị chỉ đưa cho chị M tổng cộng là 520.000.000đồng mà chị đã cho chị M mượn vào các ngày 29/3/2021, 30/3/2021, 02/4/2021, 05/4/2021. Do đó, nay chị H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị M trả cho chị H số tiền 520.000.000đ (năm trăm hai chục triệu đồng), không yêu cầu tính lãi suất.

*Lời khai của bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án chị Lê Thị M trình bày:* Từ ngày 29/3/2021 đến ngày 05/4/2021, chị M có mượn của chị Nguyễn Thị H tổng cộng số tiền 520.000.000đồng để đáo hạn ngân hàng, hai bên không thỏa thuận lãi suất, thời hạn trả tiền là ngày 15/4/2021. Do không có tiền trả nên ngày 15/4/2021, chị M có viết giấy chuyển giao sổ đỏ, nội dung thỏa thuận đúng như chị H đã trình bày. Chị M thừa nhận, hiện nay, còn nợ chị H số tiền 520.000.000đ (năm trăm hai chục triệu đồng), do điều kiện kinh tế gia đình khó khăn nên chị M không có tiền trả, khi nào làm ăn có thì chị M sẽ trả số tiền trên cho chị H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoài Nhơn phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án phù hợp với quy định của pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật của đương sự: Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn vắng mặt lần hai tại phiên tòa không có lý do nên Tòa tiến hành xét xử vắng mặt là đúng quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ các Điều 463, Điều 466 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn chị Lê Thị M phải trả cho chị Nguyễn Thị H số tiền 520.000.000đ (năm trăm hai chục triệu đồng).

Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị M phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án dân sự được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào trình bày của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án nhận định:*

[1] Về tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại khu phố T, phường H, thị xã H, tỉnh B nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh B theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị Lê Thị M nhưng tại phiên tòa hôm nay chị M vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã H tiến hành xét xử vắng mặt chị Lê Thị M.

[2] Về nội dung:

Từ ngày 29/3/2021 đến ngày 05/4/2021, chị Nguyễn Thị H cho chị Lê Thị M vay tổng số tiền 520.000.000đ (năm trăm hai chục triệu đồng), không có lãi suất, thời hạn trả tiền là ngày 15/4/2021. Khi đến thời hạn trả tiền chị M không trả nên ngày 15/4/2021, chị M có viết giấy chuyển giao sổ đỏ và giấy ghi nội dung mượn tiền cả hai giấy đều thoả thuận là chị M có mượn của chị H 800.000.000đồng để đáo hạn ngân hàng, nếu ngày 15/4/2021, chị M không trả tiền thì chị H đưa 250.000.000đồng để rút sổ đỏ tại ngân hàng, thừa đất chị M thế chấp tại ngân hàng sẽ thuộc quyền sử dụng của chị H. Chị H và chị M đều thừa nhận, tuy giấy chuyển giao sổ đỏ ghi chị M mượn 800.000.000đồng nhưng thực tế chị H chỉ đưa cho chị M tổng số tiền 520.000.000đồng. Chị M không thực hiện như đã thoả thuận nên dẫn đến phát sinh tranh chấp. Tại phiên tòa, chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Lê Thị M trả cho chị số tiền 520.000.000đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, bên nguyên đơn xuất trình chứng cứ là giấy chuyển giao sổ đỏ và giấy ghi nội dung thoả thuận mượn tiền, thời hạn trả tiền, điều kiện chuyển giao sổ đỏ đề ngày 15/4/2021. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Lê Thị M thống nhất về thời gian, số tiền mượn của chị H tổng cộng là 520.000.000đồng, giấy chuyển giao sổ đỏ và giấy ghi thoả thuận mượn tiền như nguyên đơn cung cấp là do chị viết, chị M thừa nhận hiện tại còn nợ chị H số tiền 520.000.000đồng, khi nào làm ăn có tiền thì chị M sẽ trả cho chị H. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định việc chị M đã vay của chị H số tiền 520.000.000đồng là có thật và đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

[3] Xét thấy, hợp đồng vay tài sản giữa chị Nguyễn Thị H và chị Lê Thị M là phù hợp với quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự, việc chị H yêu cầu chị M trả lại số tiền vay là phù hợp với quy định tại Điều 466 và khoản 1 Điều 470 Bộ luật Dân sự. Do vậy, Hội đồng xét xử xét buộc chị M trả cho chị H số tiền 520.000.000đồng là phù hợp với quy định pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Tòa nguyên đơn không yêu cầu tính lãi suất nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Ý kiến của đại diện viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoài Nhơn tham gia phiên toà về việc giải quyết vụ án là có cơ sở phù hợp với quy định pháp luật.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên chị Lê Thị M phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án”.

Hoàn trả cho chị Nguyễn Thị H 12.400.000đ (Mười hai triệu bốn trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai chị H đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Hoài Nhơn.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 147, điểm b, khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 463, Điều 466 và khoản 1 Điều 470 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị H. Buộc chị Lê Thị M trả cho chị Nguyễn Thị H số tiền 520.000.000đ (năm trăm hai chục triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị M phải chịu 24.800.000đ (hai mươi bốn triệu tám trăm nghìn đồng) sung vào công quỹ Nhà nước. Hoàn trả cho chị Nguyễn Thị H 12.400.000đ (mười hai triệu bốn trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001346 ngày 26 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hoài Nhơn.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên toà có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng

mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- VKSND thị xã Hoài Nhơn;
- Chi cục THADS thị xã Hoài Nhơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VT

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Ngọc Bích**